

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm An toàn lao động & MT CN (207701) - 001_DHI3NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp

DHI00T (Đại học chính quy (Tin chỉ)-Công nghệ KT ô tô-2010)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	10154057	Võ Thành Công	DHI00T			0		6	6,0	0012345678910	0123456789
2	11153019	Lê Hoàng Khải	DHI1CD			0		7	7,0	0012345678910	0123456789
3	12153090	Nguyễn Minh Khoảnh	DHI2CD			0,5		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
4	12153198	Phạm Ngọc Tịnh	DHI2CD	✓	✓					0012345678910	0123456789
5	12154241	Nguyễn Đức Tùng	DHI2OT	✓	✓					0012345678910	0123456789
6	13137008	Vũ Tuấn Anh	DHI3NL			0,5		4,5	5,0	0012345678910	0123456789
7	13137011	Nguyễn Thiên Ân	DHI3NL			0,5		6	6,5	0012345678910	0123456789
8	13137015	Phạm Thái Minh Bảo	DHI3NL			0,5		7	7,5	0012345678910	0123456789
9	13137019	Nguyễn Văn Bình	DHI3NL			0,5		7	7,5	0012345678910	0123456789
10	13137036	Trần Khánh Duy	DHI3NL			0,5		5	5,5	0012345678910	0123456789
11	13137037	Trần Ngọc Duy	DHI3NL			0,5		6	6,5	0012345678910	0123456789
12	13137041	Trần Ngọc Dũng	DHI3NL			0,5		6	6,5	0012345678910	0123456789
13	13137047	Nguyễn Thành Đạt	DHI3NL			0,5		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
14	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DHI3NL			0,5		5	5,5	0012345678910	0123456789
15	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DHI3NL			0,5		4,5	5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05236



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH13NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 09:30

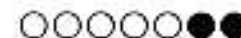
Phòng Thi RD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13137054	Ngô Hữu Hậu	DH13NL			0,5		6	6,5	0001234567890	0123456789
17	13137055	Nguyễn Thanh Hiền	DH13NL			0,5		7	7,5	0001234567890	0123456789
18	13137058	Mai Hoàng Hiệp	DH13NL			0,5		7	7,5	0001234567890	0123456789
19	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL			0,5		5,5	6,0	0001234567890	0123456789
20	13137080	Lê Thành Khối	DH13NL			0,5		7	7,5	0001234567890	0123456789
21	13137081	Vũ Đình Nguyên	DH13NL			0,5		8	8,5	0001234567890	0123456789
22	13137083	Chu Bá Hoàng Lâm	DH13NL			0,5		6,5	6,0	0001234567890	0123456789
23	13137085	Nguyễn Thanh Long	DH13NL		V	0,5				0001234567890	0123456789
24	13137087	Bùi Phụ Hoàng Nam	DH13NL			0,5		5,5	6,0	0001234567890	0123456789
25	13137100	Đinh Mai Nhật	DH13NL			0,5		4,5	5,5	0001234567890	0123456789
26	13137101	Nguyễn Đình Nhu	DH13NL		V	0,5				0001234567890	0123456789
27	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL			0,5		7	7,5	0001234567890	0123456789
28	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL			0,5		7	7,5	0001234567890	0123456789
29	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL			0,5		5,5	6,0	0001234567890	0123456789
30	13137115	Phạm Mai Quỳnh	DH13NL			0,5		6	6,5	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05236

Trang 3/3

Thi

- 2016

Nguyễn Hải Triều

Trang 3

Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày 5 Tháng 7 Năm 2016

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm An toàn lao động & MT CN (207701) - 002 DH3NL 01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phỏng Thi PV315

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp

DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			0,8		7	7,8	001234567890	0123456789
2	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT			0		6	6,0	001234567890	0123456789
3	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			0		6,5	6,5	001234567890	0123456789
4	13154123	Phạm Hùng	DH13OT			0,5		5,5	6,0	001234567890	0123456789
5	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			0		7	7,0	001234567890	0123456789
6	14137018	Trương Hoàng Dù	DH14NL			0,5		8	8,5	001234567890	0123456789
7	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL			0,5		6,5	7,0	001234567890	0123456789
8	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL			0,5		7	7,5	001234567890	0123456789
9	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			0		6,5	6,5	001234567890	0123456789
10	14153040	Phạm Thị Nhân	DH14CD			0,5		6,5	7,0	001234567890	0123456789
11	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD			0,5		5,5	6,0	001234567890	0123456789
12	14153049	Nguyễn Thanh Tâm	DH14CD			0,5		6	6,5	001234567890	0123456789
13	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			0,5		5,5	6,0	001234567890	0123456789
14	14153054	Đinh Ngọc Trần	DH14CD			0,5		7	7,5	001234567890	0123456789
15	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD			0		5	5,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05237



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm An toàn lao động & MT CN (207701) - 002_DH13NL_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi PV315

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD	Hung		0,5		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
17	14153119	Trần Trí Tâm	DH14CD	Tran		0,5		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
18	14153129	Phạm Hoàng Thân	DH14CD	Thân		0,5		5,5	6,0	0012345678910	0123456789
19	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD	Phan		0,5		5,5	6,0	0012345678910	0123456789
20	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT	Duy		0,5		7	7,5	0012345678910	0123456789
21	14154016	Trần Thanh Tú	DH14OT	Tran		0,8		7	7,8	0012345678910	0123456789
22	14154021	Nông Quốc Hoàn	DH14OT			0,5				0012345678910	0123456789
23	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT	Huy		0,8		7	7,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 22 Số sinh viên vắng: 1

Ngày 5 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Hải Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH13OT_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV400A

Giảng viên:Phan Minh Hiếu

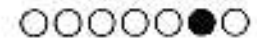
Lớp **DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 20 %	D.Số 70%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT			1	1,1	5,4	7,5	○○○123456●890	○○1234●6789
2	12154021	Trần Văn Thăng	DH12OT			1	0,4	2,3	3,7	○○○12●4567890	○○123456●89
3	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT			1	1	2,3	4,3	○○○123●567890	○○12●456789
4	12154085	Lê Đình Trường	DH12OT	✓						●○○1234567890	○○123456789
5	12154119	Nguyễn Đăng Khoa	DH12OT			1	1	3,9	5,9	○○○1234●67890	○○12345678●
6	12154123	Vô Thanh Hùng	DH12OT			1	0,4	4,2	5,6	○○○1234●67890	○○12345●789
7	12154166	Đinh Văn Lợi	DH12OT			1	0,3	2,8	4,1	○○○123●567890	○○●23456789
8	12154172	Trần Văn Sĩ	DH12OT			1	1,1	0,7	2,9	○○○1●34567890	○○1234567●9
9	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DH12OT			1	0,5	0,7	2,2	○○○1●34567890	○○1●3456789
10	12154178	Phan Quốc Thái	DH12OT	✓						●○○1234567890	○○123456789
11	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH12OT			1	1,1	4,4	6,5	○○○12345●7890	○○1234●6789
12	12154215	Bùi Đức Giang	DH12OT			1	0,6	3,2	4,8	○○○123●567890	○○1234567●9
13	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DH12OT			1	1,3	4,2	6,5	○○○12345●7890	○○1234●6789
14	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT			1	0,4	4,4	5,8	○○○1234●67890	○○1234567●9
15	13154006	Hoàng Minh Chương	DH13OT			1	0,2	4,6	5,8	○○○1234●67890	○○1234567●9



Mã nhận dạng 05238



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 20/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi PV400A Giảng viên: Phan Minh Hiếu

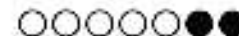
Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	B1 10 %	D2 20 %	D.Số 70 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT			1	0,9	2,3	4,2	0012345678910	0123456789
17	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT			1	0,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
18	13154018	Hồ Thanh Hết	DH13OT			1	0,4	2,6	4,0	0012345678910	0123456789
19	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT			1	1,3	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
20	13154020	Đậu Ngọc Hiếu	DH13OT			1	0,4	4,7	6,1	0012345678910	0123456789
21	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT			1	1,2	3,2	5,4	0012345678910	0123456789
22	13154026	Trần Văn Khá	DH13OT			1	1,2	5,3	7,5	0012345678910	0123456789
23	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			1	0,2	0,4	1,6	0012345678910	0123456789
24	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			1	0,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
25	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT			1	1,4	6,7	9,1	0012345678910	0123456789
26	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH13OT			1	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789
27	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			1	0,6	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
28	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			1	0,8	4,6	6,4	0012345678910	0123456789
29	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			1	0,2	1,9	3,1	0012345678910	0123456789
30	13154046	Vân Vũ Hoàng Phúc	DH13OT			1	1	3,5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05238



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV400A

Giảng viên:Phan Minh Hiếu

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D3 20 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13154048	Phạm Hữu Qui	DH13OT	<i>Qui</i>		1	1,5	6,0	8,5	001234567●910	01234●6789
32	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT	<i>Thông</i>		1	0,7	3,7	5,4	0012344●678910	0123●56789
33	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT	<i>Thuận</i>		1	0,4	1,8	3,2	0012●45678910	01●3456789
34	13154062	Huỳnh Quang Trang	DH13OT	<i>Trang</i>		1	0,6	2,6	4,2	00123●5678910	01●3456789
35	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT	<i>Vũ</i>		1	0,3	3,0	4,3	00123●5678910	012●456789
36	13154075	Nguyễn Hồng Bảo	DH13OT	<i>Bảo</i>		1	1,2	5,8	8,0	001234567●910	●123456789
37	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT	<i>Bình</i>		1	1,4	5,1	7,5	00123456●8910	01234●6789
38	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT	<i>Bình</i>		1	0	2,6	3,6	0012●45678910	012345●789
39	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT	<i>Hậu</i>		1	1,5	4,4	6,9	0012345●78910	012345678●
40	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT	<i>Khoa</i>		1	0,3	5,1	6,4	0012345●78910	0123●56789
41	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT	<i>Lợi</i>		1	0,2	4,9	6,1	0012345●78910	0●23456789
42	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT	<i>Minh</i>		1	1,4	5,8	8,2	001234567●910	01●3456789
43	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT	<i>Nga</i>		1	0,6	3,7	5,3	001234●678910	012●456789
44	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT	<i>Quang</i>		1	1,1	3,2	5,3	001234●678910	012●456789
45	13154187	Phạm Trung Tin	DH13OT	<i>Tin</i>		1	0,5	3,3	4,8	00123●5678910	01234567●9



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH13OT_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV315

Giảng viên: Phan Minh Hiếu

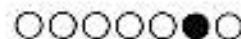
Lớp DH12OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số 30%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154087	Mã Nhật Huy	DH12OT			1	0,4	1,8	3,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	13154001	Võ Trương An	DH13OT			1	1,3	4,9	7,2	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			1	0,2	0	1,2	○●●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13154004	Võ Quốc Bảo	DH13OT			1	1	2,5	4,5	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨
5	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT			1	1,9	6,7	9,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
6	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT			1	0,6	2,6	4,2	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13154012	Nguyễn Văn Diên	DH13OT			1	1	2,8	4,8	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			1	0,5	3,0	4,5	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	13154021	Trần Đức Hiếu	DH13OT			1	0,7	3,5	5,2	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13154023	Nguyễn Thanh Minh Hoàng	DH13OT			1	0,7	3,7	5,4	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH13OT			1	0,4	2,6	4,0	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			1	0,5	3,7	5,2	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13154032	Trương Thành Long	DH13OT			1	1,1	5,3	7,4	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
14	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT			1	0,4	0,4	1,8	○●●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT			1	0,2	3,5	4,7	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨



Mã nhận dạng 05239



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học) Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH13OT_02

Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV315

Giảng viên: Phan Minh Hiếu

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Đ. Số 70/80	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT			1	0,4	0,9	2,3	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①2●④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13154041	Phạm Hoàng Nhu	DH13OT			1	1,5	4,9	2,4	○①①2③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①23●⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT			1	0,5	5,6	2,1	○①①2③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●2③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT			1	0,9	1,6	3,5	○①①2●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①234●⑥⑦⑧⑨
20	13154050	Ngô Văn Sự	DH13OT			1	1,1	4,4	6,5	○①①2③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①234●⑥⑦⑧⑨
21	13154051	Ngô Tấn Tài	DH13OT			1	1,1	2,1	4,2	○①①2③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●3④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13154052	Lê Trung Tá	DH13OT			1	1,4	4,4	6,8	○①①2③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①234⑤⑥⑦●⑨
23	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT			1	0,3	2,5	3,8	○①①2●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①234⑤⑥⑦●⑨
24	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			1	0,8	2,6	4,4	○①①2③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①23●⑤⑥⑦⑧⑨
25	13154056	Vũ Hoàn Thiện	DH13OT			1	0,3	2,1	3,4	○①①2●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①23●⑤⑥⑦⑧⑨
26	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT			1	0	0	1,0	○①●2③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①2③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			1	0,3	3,5	4,8	○①①2③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①234⑤⑥⑦●⑨
28	13154067	Phạm Trinh Hoàng Văn	DH13OT			1	0,5	3,3	4,8	○①①2③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①234⑤⑥⑦●⑨
29	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			1	1,6	5,3	7,9	○①①2③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①234⑤⑥⑦⑧●
30	13154070	Nguyễn Vũ Hoàng Vũ	DH13OT			1	1	0,9	2,9	○①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①234⑤⑥⑦⑧●

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 002_DH13OT_02**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi **20/06/2016**

Giờ Thi: **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Giảng viên: **Phan Minh Hiếu**

Lớp **DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số 70 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT	<i>Châu</i>		1	0,8	3,3	5,1	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154084	Trần Xuân Châu	DH13OT	<i>Chau</i>		1	0,8	5,3	7,1	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154088	Đào Thế Cường	DH13OT	<i>Cuong</i>		1	0,8	5,8	7,6	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
4	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT	<i>Cuong</i>		1	0,8	0,7	2,5	○ ○ ○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	13154090	Vũ Văn Cường	DH13OT	<i>Cuong</i>		1	0,7	3,3	5,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT	<i>Duong</i>		1	0,3	4,7	6,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 10
7	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT	<i>Doan</i>		1	0,7	3,0	4,7	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
8	13154098	Lê Trông Giang	DH13OT	<i>Giang</i>		1	0,6	2,5	4,1	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154101	Hứa Phú Hải	DH13OT	<i>Hai</i>		1	1,3	5,4	7,7	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
10	13154104	Lê Hữu Hải	DH13OT	<i>Hai</i>		1	0,6	3,7	5,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
11	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT	<i>Hieu</i>		1	0,8	3,3	5,1	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT	<i>Hoi</i>		1	0,8	5,4	7,2	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
13	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT	<i>Hung</i>		1	0,7	2,5	4,2	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
14	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT	<i>Khang</i>		1	0,6	4,6	6,2	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
15	13154127	Vô Quốc Khải	DH13OT	<i>Khai</i>		1	1	2,1	4,1	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05240



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 002_DH13OT_02

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Phan Minh Hiếu

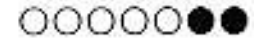
Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 20 %	D. Số 30 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13154135	Nguyễn Tấn Lâm	DH13OT			1	1,2	5,8	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT			1	1,4	3,7	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT			1	0,2	3,2	4,4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
19	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT			1	0,7	4,4	6,1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			1	0,8	3,5	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT			1	0,2	2,3	3,5	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT			1	0,6	0,5	2,1	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT			1	0,8	3,0	4,8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
24	13154166	Trần Văn Sáu	DH13OT			1	1	5,1	7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT			1	0,7	4,6	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			1	1,1	5,3	7,4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
27	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			1	1	3,3	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13154185	Đinh Ngọc Thử	DH13OT			1	1	3,9	5,9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
29	13154186	Lê Minh Tiến	DH13OT			1	0,5	2,3	3,8	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
30	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			1	0,5	1,6	3,1	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05240



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 002_DH13OT_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Phan Minh Hiếu

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 10 %	D2 20 %	D.Số 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT	<i>Th</i>		1	0,4	1,8	3,2	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
33	13154205	Nguyễn Văn út	DH13OT	<i>Ng</i>		1	0,6	3,9	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
34	13154207	Vô Thanh Văn	DH13OT	<i>Th</i>		1	1,5	6,1	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
35	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT	<i>Th</i>		1	0,1	1,1	2,2	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 34 Số sinh viên vắng: 01

Ngày 02 Tháng 07 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*Nguyễn Văn Tuấn Anh**Nguyễn Văn Tuấn Anh**Chi Hồng Xuân**Phan Minh Hiếu*

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH130T_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

DH100T (Đại học chính quy (Tin chỉ)-Công nghệ KT ô tô-2010)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	10154045	Vũ Công Thuận	DH100T			1	2		3	○○○1234567890	0123456789
2	11154007	Đặng Minh Hoàng	DH110T			1	2,4		3,4	○○○1234567890	0123456789
3	11154042	Ngô Hoàng Luân	DH110T			1,5	2,8		4,3	○○○1234567890	0123456789
4	11154061	Nguyễn Anh Tuấn	DH110T						✓	01234567890	0123456789
5	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH120T			1,5	5,6		7,1	○○○1234567890	0123456789
6	12154021	Trần Văn Thăng	DH120T			1	1,6		2,6	○○○1234567890	0123456789
7	12154026	Võ Quang Bình	DH120T			1	4,8		5,8	○○○1234567890	0123456789
8	12154032	Cao Văn Hoan	DH120T			1	2,4		3,4	○○○1234567890	0123456789
9	12154066	Trần Công Khang	DH120T			4	0,8		1,8	○○○1234567890	0123456789
10	12154085	Lê Đình Trường	DH120T						✓	01234567890	0123456789
11	12154087	Mã Nhật Huy	DH120T			1	1,6		2,6	○○○1234567890	0123456789
12	12154089	Nguyễn Văn Sang	DH120T			1	2		3	○○○1234567890	0123456789
13	12154107	Hồ Công Huy	DH120T			1	3,2		4,2	○○○1234567890	0123456789
14	12154119	Nguyễn Đăng Khoa	DH120T			1	4,8		5,8	○○○1234567890	0123456789
15	12154123	Võ Thanh Hùng	DH120T			1,5	4,4		5,9	○○○1234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05241



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH12OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

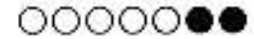
Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154124	Trương Thanh	Trương	DH12OT		1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
17	12154128	Đoàn Xuân	Lộc	DH12OT		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
18	12154133	Nguyễn Minh	Tân	DH12OT		1	4		5	0012345678910	0123456789
19	12154142	Nguyễn Doãn	Lộc	DH12OT		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
20	12154147	Phạm Huỳnh Đạt	Nhân	DH12OT		1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
21	12154166	Đình Văn	Lợi	DH12OT		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
22	12154177	Nguyễn Thành	Thuận	DH12OT		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
23	12154181	Hoàng Lê	Anh	DH12OT		1	2		3	0012345678910	0123456789
24	12154185	Nguyễn Văn	Thiện	DH12OT		1,5	2,4		3,9	0012345678910	0123456789
25	12154193	Võ Mạnh	Tỉnh	DH12OT		1,5	2,4		3,9	0012345678910	0123456789
26	12154206	Phạm Hồng	Quyển	DH12OT		1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
27	12154215	Bùi Đức	Giang	DH12OT		1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
28	12154223	Lê Công Tuấn	Anh	DH12OT		1,5	1,6		3,1	0012345678910	0123456789
29	12154231	Thái Xuân	Huy	DH12OT		1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
30	12154237	Nguyễn Chánh	Lân	DH12OT		1,5	1,6		3,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05241



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12154241	Nguyễn Đức Tùng	DH12OT		V				V	0012345678910	0123456789
32	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DH12OT			1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
33	12154247	Nguyễn Chánh Quang	DH12OT			1	3,2		4,2	0012345678910	0123456789
34	13154004	Vô Quốc Bảo	DH13OT			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
35	13154018	Hồ Thanh Hiết	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
36	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
37	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT			1	4		5,0	0012345678910	0123456789
38	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
39	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT			1	2,4		3,4	0012345678910	0123456789
40	13154048	Phạm Hữu Qui	DH13OT			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
41	13154051	Ngô Tấn Tài	DH13OT			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
42	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
43	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT			1	2,4		3,4	0012345678910	0123456789
44	13154067	Phạm Trình Hoàng Văn	DH13OT			1,5	6,4		7,9	0012345678910	0123456789
45	13154075	Nguyễn Hồng Bảo	DH13OT			1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05241



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV101

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
47	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789
48	13154084	Trần Xuân Châu	DH13OT			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
49	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			1,5	1,6		3,1	0012345678910	0123456789
50	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT			1,5	2,4		3,9	0012345678910	0123456789
51	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
52	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
53	13154135	Nguyễn Tấn Lâm	DH13OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
54	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT			1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
55	13154187	Phạm Trung Tín	DH13OT			1,5	7,6		9,1	0012345678910	0123456789
56	13154205	Nguyễn Văn út	DH13OT			2	4		6	0012345678910	0123456789
57	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 54 Số sinh viên vắng: 0,3

Ngày 20 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Phạm Duy Lâm

 Phạm Quang Thắng

 Bùi Công Hạnh

 Th.S. Bùi Công Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp **DH12OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 2%	D2 5%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT	V					V	001234567890	0123456789
2	12154164	Trần Xuân Quang	DH12OT	Trần Xuân Quang		1,5	1,6		3,1	001234567890	0023456789
3	13154001	Võ Trường An	DH13OT	Võ Trường An		2	4,4		6,4	001234567890	0123456789
4	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT	Bùi Tuấn Anh		1,5	4,4		5,9	001234567890	0123456789
5	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT	Chí		1,5	4,8		6,3	001234567890	0123456789
6	13154006	Hoàng Minh Chương	DH13OT	Hoàng Minh Chương		1,5	4,8		6,3	001234567890	0123456789
7	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT	Nguyễn Huỳnh Duy		1,5	7,2		8,7	001234567890	0123456789
8	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT	Võ Thanh Duy		1,5	6		7,5	001234567890	0123456789
9	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT	Nguyễn Đức Dương		2	7,2		9,2	001234567890	0123456789
10	13154012	Nguyễn Văn Diên	DH13OT	Nguyễn Văn Diên		1,5	4,8		6,3	001234567890	0123456789
11	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT	Cao Xuân Giáp		1,5	4		5,5	001234567890	0123456789
12	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT	Nguyễn Văn Hậu		2	5,6		7,6	001234567890	0123456789
13	13154021	Trần Đức Hiếu	DH13OT	Trần Đức Hiếu		1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
14	13154023	Nguyễn Thanh Minh Hoàng	DH13OT	Nguyễn Thanh Minh Hoàng		2	5,6		7,6	001234567890	0123456789
15	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT	Lại Thị Hương		2	6		8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05242



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH13OT			1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
17	13154026	Trần Văn Khả	DH13OT			2	6,4		8,4	001234567890	0123456789
18	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			1,5	4		5,5	001234567890	0123456789
19	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			1,5	4,4		5,9	001234567890	0123456789
20	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
21	13154032	Trương Thành Long	DH13OT			2	7,2		9,2	001234567890	0123456789
22	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT			1,5	5,6		7,1	001234567890	0123456789
23	13154041	Phạm Hoàng Nhu	DH13OT			2	6,4		8,4	001234567890	0123456789
24	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH13OT			2	7,6		9,6	001234567890	0123456789
25	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			2	4		6	001234567890	0123456789
26	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
27	13154046	Văn Vũ Hoàng Phúc	DH13OT			1,5	5,2		6,7	001234567890	0123456789
28	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT			1,5	4		5,5	001234567890	0123456789
29	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT			1,5	2,4		3,9	001234567890	0123456789
30	13154050	Ngô Văn Sự	DH13OT			1,5	6		7,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05242



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

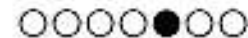
DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154052	Lê Trung Tá	DH13OT			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
32	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			1,5	6,8		8,3	0012345678910	0123456789
33	13154056	Võ Hoàn Thiện	DH13OT			2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
34	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
35	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
36	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
37	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
38	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			2	3,2		5,2	0012345678910	0123456789
39	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
40	13154088	Đào Thế Cường	DH13OT			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
41	13154090	Vũ Văn Cường	DH13OT			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789
42	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
43	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			2	4		6,0	0012345678910	0123456789
44	13154101	Hữu Phú Hải	DH13OT			2	4		6,0	0012345678910	0123456789
45	13154104	Lê Hữu Hải	DH13OT			2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05242



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
47	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT			1,5	2,4		3,9	0012345678910	0123456789
48	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT			2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
49	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			1,5	2,4		3,9	0012345678910	0123456789
50	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
51	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
52	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT			2	4		6,0	0012345678910	0123456789
53	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT			2	6,4		8,4	0012345678910	0123456789
54	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			1	2,8		3,8	0012345678910	0123456789
55	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			1,5	6		7,5	0012345678910	0123456789
56	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT			1,5	7,2		8,7	0012345678910	0123456789
57	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT			1,5	2		3,5	0012345678910	0123456789
58	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789
59	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
60	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05242



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện động cơ (207707) - 001_DH13OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 16/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 80%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	13154166	Trần Văn Sầu	DH13OT			2	4		6	0012345678910	0123456789
62	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
63	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
64	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
65	13154185	Đinh Ngọc Thức	DH13OT			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
66	13154186	Lữ Minh Tiến	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
67	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			1,5	2,8		4,3	0012345678910	0123456789
68	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT						✓	0012345678910	0123456789
69	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
70	13154207	Võ Thanh Vân	DH13OT			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 68. Số sinh viên vắng: 02

Ngày 20 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Lê Quang Hiên

 Cao Đức Lợi

 Bùi Hồng Xuân

 Th.S. Bùi Công Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện thân xe (207708) - 001 DHI3OT 01

Sổ Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

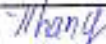
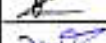
Phòng Thi CT201

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lớp

DH120T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154066	Trần Công Khang	DH12OT			8	8.25	2.5	3.9	0012345678910	0123456789
2	12154128	Đoàn Xuân Lộc	DH12OT			8	7.75	4.4	5.3	0012345678910	0123456789
3	13154001	Võ Trường An	DH13OT			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
4	13154006	Hoàng Minh Chương	DH13OT			8	6	5.5	4.3	0012345678910	0123456789
5	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT			10	5.5	9.4	8.9	0012345678910	0123456789
6	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT			10	5.5	2.4	3.6	0012345678910	0123456789
7	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT			10	6.5	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
8	13154012	Nguyễn Văn Điền	DH13OT			10	7.5	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
9	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			10	5.5	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
10	13154015	Nguyễn Tấn Hải	DH13OT			8	5.5	6.85	6.8	0012345678910	0123456789
11	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT			10	0	5.5	5.4	0012345678910	0123456789
12	13154021	Trần Đức Hiếu	DH13OT			10	0	2.7	3.0	0012345678910	0123456789
13	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT			10	7.5	4.9	5.8	0012345678910	0123456789
14	13154025	Nguyễn Đoàn Khương	DH13OT			10	0	3.4	3.6	0012345678910	0123456789
15	13154026	Trần Văn Khả	DH13OT			8	0	6.4	5.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05243



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện thân xe (207708) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IB
16	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			8	0	0	0.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT	Phạm Văn Lâm		10	0	2.7	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154032	Trương Thành Long	DH13OT	Trương Thành Long		10	6.5	8.6	8.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT	Châu Vĩnh Minh		10	6.5	9.1	9.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT	Nguyễn Hoàng Minh		8	7.5	6.4	6.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT	Nguyễn Văn Nghĩa		8	6	2.5	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154041	Phạm Hoàng Nhu	DH13OT	Phạm Hoàng Nhu		10	6	8.8	8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH13OT	Nguyễn Văn Phi		10	7.5	10	9.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT	Nguyễn Hữu Phong		10	5.5	6.8	6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT	Nguyễn Thành Phúc		10	8	5.5	6.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154046	Vân Vũ Hoàng Phúc	DH13OT	Phúc		10	5.5	5.5	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT	Hà Anh Quân		10	0	2.1	2.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT	Phạm Hữu Quý		10	6	3	4.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT	Nguyễn Văn Sang		8	0	2	2.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154050	Ngô Văn Sự	DH13OT	Ngô Văn Sự		10	6	8.1	8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05243



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Hệ thống điện thân xe (207708) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13154051	Ngô Tấn Tài	DH13OT			10	0	3.8	3.9	0012345678910	0123456789
32	13154052	Lê Trung	DH13OT			10	7	7.76	7.9	0012345678910	0123456789
33	13154055	Trương Ngọc	DH13OT			10	5.5	3.3	4.3	0012345678910	0123456789
34	13154056	Vô Hoàn	DH13OT			10	10	1.53	3.6	0012345678910	0123456789
35	13154059	Nguyễn Minh	DH13OT			10	0	5.1	4.8	0012345678910	0123456789
36	13154060	Nguyễn Lâm	DH13OT			10	6	4.8	5.5	0012345678910	0123456789
37	13154062	Huỳnh Quang	DH13OT			8	10	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
38	13154063	Trần Minh	DH13OT			10	5	3.6	4.5	0012345678910	0123456789
39	13154065	Nguyễn Văn	DH13OT			10	0	3.5	3.6	0012345678910	0123456789
40	13154066	Nguyễn	DH13OT			10	0	1	1.8	0012345678910	0123456789
41	13154069	Nguyễn Tuấn	DH13OT			10	6	4.2	5.1	0012345678910	0123456789
42	13154070	Nguyễn Võ Hoàng	DH13OT			8	0	0	0.8	0012345678910	0123456789
43	13154084	Trần Xuân	DH13OT			10	0	6	5.5	0012345678910	0123456789
44	13154088	Đào Thế	DH13OT			8	10	8	8.3	0012345678910	0123456789
45	13154090	Vũ Văn	DH13OT			10	7	1.7	3.3	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hệ thống điện thân xe (207708) - 002_DH13OT_D1**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **23/06/2016**

Giờ Thi: **12:15**

Phòng Thi **RD302**

Giảng viên: **Nguyễn Trịnh Nguyên**

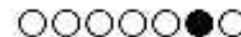
Lớp **DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154101	Hứa Phú Hải	DH13OT		1	10	6.5	9.1	8.8	○○○1234567●910	○○1234567●9
2	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT		1	10	6	8.2	8.1	○○○1234567●910	○○●23456789
3	13154108	Đỗ Minh Hiền	DH13OT		1	8	6	5.5	5.8	○○○1234●678910	○○1234567●9
4	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT		1	10	8	5.2	6.1	○○○12345●78910	○○●23456789
5	13154123	Phạm Hùng	DH13OT		1	10	0	3	3.3	○○○12●45678910	○○12●456789
6	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT		1	10	5	5.5	5.9	○○○1234●678910	○○12345678●
7	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT		1	8	0	6.5	5.7	○○○1234●678910	○○123456●89
8	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT		1	10	6.5	5.5	6.1	○○○12345●78910	○○●23456789
9	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT		1	10	7	6.7	7.1	○○○123456●8910	○○●23456789
10	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT		1	10	5	8.15	7.8	○○○123456●8910	○○1234567●9
11	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT		1	10	6	9.05	8.7	○○○1234567●910	○○123456●89
12	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT		1	10	0	1.3	2.0	○○○1●345678910	●123456789
13	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT		1	10	6	6.3	6.6	○○○12345●78910	○○12345●789
14	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT		1	10	6	6.5	6.8	○○○12345●78910	○○1234567●9
15	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT		1	10	7	8.7	8.6	○○○1234567●910	○○12345●789



Mã nhận dạng 05244



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện thân xe (207708) - 002_DH13OT_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi RD302

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154166	Trần Văn Sáu	DH13OT		1	10	6	8.3	8.1	001234567890	0123456789
17	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT		1	10	5	4.75	5.3	001234567890	0123456789
18	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT		1	8	0	3	3.1	001234567890	0123456789
19	13154185	Đinh Ngọc Thúc	DH13OT		1	10	5	5.5	5.9	001234567890	0123456789
20	13154186	Lê Minh Tiến	DH13OT		1	10	7	2.3	3.8	001234567890	0123456789
21	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT		1	10	5.5	2.5	3.7	001234567890	0123456789
22	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT			10	6.5	0	2.0	001234567890	0123456789
23	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT		1	10	6.5	4.2	5.1	001234567890	0123456789
24	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT		1	10	6	2.25	3.6	001234567890	0123456789
25	13154207	Võ Thanh Văn	DH13OT		1	10	7	9.8	9.4	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày 10 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Quý

Nguyễn Trịnh Nguyễn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hệ thống điện thân xe (207708) - 001_DHI10T_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **23/06/2016**

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyên

Lớp **DHI10T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 15%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	I1154007	Đặng Minh Hoàng	DHI10T	<i>Hoàng</i>		10	9	4.75	5.9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
2	I1154045	Chu Đức Minh	DHI10T	<i>Minh</i>		10	9	2.8	4.5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	I1154061	Nguyễn Anh Tuấn	DHI10T			10	9	0	2.4	○○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	I2154020	Huỳnh Thanh Phùng	DHI20T	<i>Phùng</i>		10	7.5	6.05	6.7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	I2154026	Võ Quang Bình	DHI20T	<i>Bình</i>		10	7.5	5.8	6.5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	I2154030	Lê Quốc Bảo	DHI20T	<i>Bảo</i>		10	8.5	8.55	8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	I2154032	Cao Văn Hoàn	DHI20T			10	7	0	2.1	○○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	I2154058	Phạm Trọng Đạt	DHI20T	<i>Dat</i>		10	8	8.8	8.8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
9	I2154062	Đỗ Văn Duy	DHI20T	<i>Duy</i>		6	7.75	7.5	7.4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	I2154067	Nguyễn Minh Dương	DHI20T	<i>Dương</i>		10	5	5.5	5.9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
11	I2154082	Nguyễn Thanh Hòa	DHI20T	<i>Hòa</i>		10	7.5	3.3	4.6	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	I2154085	Lê Đình Trường Giang	DHI20T			6	0	0	0.6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	I2154087	Mã Nhật Huy	DHI20T	<i>Huy</i>		10	0	2.5	2.9	○○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	I2154119	Nguyễn Đăng Khoa	DHI20T			10	8.5	0	2.3	○○○●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	I2154123	Võ Thanh Hùng	DHI20T	<i>Hùng</i>		10	8.5	5.7	6.6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05245



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Hệ thống điện thân xe (207708) - 001_DHI20T_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lớp DHI20T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 15 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
16	12154142	Nguyễn Doãn Lộc	DHI20T			10	8	5.55	6.4	0001234567890	0123456789
17	12154164	Trần Xuân Quang	DHI20T			6	5	4	4.4	0001234567890	0123456789
18	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DHI20T			10	5	6	6.3	0001234567890	0123456789
19	12154178	Phan Quốc Thái	DHI20T			10	8	0	2.2	0001234567890	0123456789
20	12154182	Phan Duy Thâm	DHI20T			10	5	0	1.8	0001234567890	0123456789
21	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DHI20T			10	6	8.55	8.3	0001234567890	0123456789
22	12154199	Nguyễn Thanh Tông	DHI20T			6	7.75	6	6.3	0001234567890	0123456789
23	12154215	Bùi Đức Giang	DHI20T			10	5	6.9	6.9	0001234567890	0123456789
24	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DHI20T			6	9	2.5	3.8	0001234567890	0123456789
25	12154231	Thái Xuân Huy	DHI20T			10	5	5.25	5.7	0001234567890	0123456789
26	12154241	Nguyễn Đức Tùng	DHI20T			10	0	0	1.0	0001234567890	0123456789
27	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DHI20T			10	5	6.2	6.4	0001234567890	0123456789
28	12154247	Nguyễn Chánh Quang	DHI20T			10	7.75	4.5	5.5	0001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hệ thống điện thân xe (207708) - 002_DH13OT_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **23/06/2016**

Giờ Thi: **12:15**

Phòng Thi **PV227**

Giảng viên: **Nguyễn Trịnh Nguyễn**

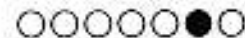
Lớp **DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 15 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			8	7.5	4.2	5.1	○○○1234●6789○	○●23456789○
2	13154004	Vũ Quốc Bảo	DH13OT			8	6	7.75	7.5	○○○123456●89○	○1234●6789○
3	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT			10	7	9	8.8	○○○1234567●9○	○1234567●9○
4	13154020	Đậu Ngọc Hiền	DH13OT			10	7	8.9	8.7	○○○1234567●9○	○123456●89○
5	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			10	5.5	2.5	3.7	○○○12●456789○	○123456●89○
6	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT			8	10	5.5	6.4	○○○12345●6789○	○123●56789○
7	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			6	6.5	1	2.3	○○○●3456789○	○12●3456789○
8	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT			10	6.5	2.7	4.0	○○○123●456789○	●123456789○
9	13154067	Phạm Trình Hoàng Văn	DH13OT			10	7	6.3	6.8	○○○12345●6789○	○1234567●9○
10	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			10	9	3	4.6	○○○123●456789○	○12345●6789○
11	13154075	Nguyễn Hồng Bảo	DH13OT			10	5	4.75	5.3	○○○1234●6789○	○12●456789○
12	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT			10	7.5	6.8	7.2	○○○123456●89○	○1●3456789○
13	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT			6	6	3.85	4.4	○○○123●456789○	○123●56789○
14	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			6	0	0	0.6	○●123456789○	○12345●6789○
15	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT			8	5	3.9	4.5	○○○123●456789○	○1234●6789○



Mã nhận dạng 05246



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điện toán xe (207708) - 002_DH13OT_02

Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi PV227

Giảng viên: Nguyễn Trịnh Nguyễn

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 15%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT			10	6.5	6.9	7.2	001234567890	0123456789
17	13154098	Lê Trường	DH13OT			10	6	4	4.9	001234567890	0123456789
18	13154104	Lê Hữu Hải	DH13OT			10	6	8.2	8.1	001234567890	0123456789
19	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT			10	6	6	6.4	001234567890	0123456789
20	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT			10	6	0	1.9	001234567890	0123456789
21	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			6	0	7.7	6.4	001234567890	0123456789
22	13154135	Nguyễn Tấn Lâm	DH13OT			10	6	5.75	6.2	001234567890	0123456789
23	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT			10	6.5	8	8.0	001234567890	0123456789
24	13154149	Vô Tấn Nga	DH13OT			10	6	5.5	6.0	001234567890	0123456789
25	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			10	5.5	5.5	6.0	001234567890	0123456789
26	13154187	Phạm Trung Tin	DH13OT			10	7	9.5	9.2	001234567890	0123456789
27	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT			8	5	2.8	3.7	001234567890	0123456789
28	13154205	Nguyễn Văn út	DH13OT			10	6.5	6.95	7.2	001234567890	0123456789
29	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT			8	0	4.7	4.3	001234567890	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật mô tô và xe máy (207711) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH10OT (Đại học chính quy (Tín chỉ)-Công nghệ KT ô tô-2010)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	10154040	Huỳnh Tháo	DH10OT	<i>Huỳnh Tháo</i>		1	1,2		2,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12118108	Lê Quang	DH12CK		✓	✓	✓		✓	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13118161	Hoàng Phạm Thanh	DH13CK	<i>Hoàng Thanh</i>		3	3		6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	③①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13118199	Đào Huy	DH13CK	<i>Đào Huy</i>		3	2,4		5,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13118241	Ngô Duy	DH13CK	<i>Ngô Duy</i>		3	2,4		5,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13118269	Vô Minh	DH13CK	<i>Vô Minh</i>		3,5	5,7		9,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118275	Đặng Anh	DH13CK	<i>Đặng Anh</i>		3	4,8		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13154001	Vô Trường	DH13OT	<i>Vô Trường</i>		3	4,2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13154002	Bùi Tuấn	DH13OT	<i>Bùi Tuấn</i>		2	1,5		3,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13154004	Vũ Quốc	DH13OT	<i>Vũ Quốc</i>		3	3,9		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13154005	Lưu Công	DH13OT	<i>Lưu Công</i>		3	3,6		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13154006	Hoàng Minh	DH13OT	<i>Hoàng Minh</i>		2	1,8		3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13154007	Nguyễn Huỳnh	DH13OT	<i>Nguyễn Huỳnh</i>		3	5,7		8,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13154008	Vô Thanh	DH13OT	<i>Vô Thanh</i>		3	3,6		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13154009	Nguyễn Đức	DH13OT	<i>Nguyễn Đức</i>		3	4,8		7,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05247



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật ôtô và xe máy (207711) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

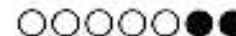
DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 60 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154012	Nguyễn Văn Điền	DH13OT			3	5,1		8,1	0012345678910	0023456789
17	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT			3	4,2		7,2	0012345678910	0123456789
18	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT			3	3,3		6,3	0012345678910	0123456789
19	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT			4	4,5		8,5	0012345678910	0123456789
20	13154020	Đậu Ngọc Hiếu	DH13OT			4	4,8		8,8	0012345678910	0123456789
21	13154021	Trần Đức Hiếu	DH13OT			3	3		6	0012345678910	0123456789
22	13154023	Nguyễn Thanh Minh Hoàng	DH13OT			2,5	4,2		6,7	0012345678910	0123456789
23	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT			4	5,1		9,1	0012345678910	023456789
24	13154025	Nguyễn Đoan Khang	DH13OT			2	1,2		3,2	0012345678910	0123456789
25	13154026	Trần Văn Khá	DH13OT			3,5	4,8		8,3	0012345678910	0123456789
26	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			2,5	1,2		3,7	0012345678910	0123456789
27	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			3,5	3,6		7,1	0012345678910	023456789
28	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			3	3		6	0012345678910	0123456789
29	13154032	Trương Thành Long	DH13OT			2,5	3,9		6,4	0012345678910	0123456789
30	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT			3,5	5,4		8,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05247



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật mô tô và xe máy (207711) - 001_DH13OT_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT			3	3,3		6,3	0012345678910	0123456789
32	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH13OT			4	5,4		9,4	0012345678910	0123456789
33	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			2,5	1,5		4,0	0012345678910	0123456789
34	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			2,5	3,6		6,1	0012345678910	0123456789
35	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			2,5	1,5		4,0	0012345678910	0123456789
36	13154046	Văn Vũ Hoàng Phúc	DH13OT			3	3		6	0012345678910	0123456789
37	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT			3	2,4		5,4	0012345678910	0123456789
38	13154048	Phạm Hữu Qui	DH13OT			2,5	3,9		6,4	0012345678910	0123456789
39	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT			2,5	1,5		4,0	0012345678910	0123456789
40	13154051	Ngô Tấn Tài	DH13OT			3,5	4,5		8,0	0012345678910	0123456789
41	13154052	Lê Trung Tà	DH13OT			3	3		6	0012345678910	0123456789
42	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT		V	V	V		V	0012345678910	0123456789
43	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			3	3		6	0012345678910	0123456789
44	13154056	Vô Hoàn Thiện	DH13OT			3,5	4,2		7,7	0012345678910	0123456789
45	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT			2,5	1,5		4,0	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật ôtô và xe máy (207711) - 002 DH13OT 01

Sở Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Bùi Công Minh

Lớp

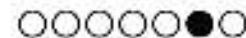
DH130T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154062	Huỳnh Quang	Trạng	DH130T			2	3	5	0012345678910	0123456789
2	13154063	Trần Minh	Trí	DH130T			2,5	3,6	6,1	0012345678910	0023456789
3	13154065	Nguyễn Văn	Trung	DH130T			2,5	4,5	7	0012345678910	0123456789
4	13154068	Phạm Hiền	Vinh	DH130T			3	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
5	13154069	Nguyễn Tuấn	Vũ	DH130T			2,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
6	13154070	Nguyễn Võ Hoàng	Vũ	DH130T		✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
7	13154075	Nguyễn Hồng	Báo	DH130T			3	2A	5,4	0012345678910	0123456789
8	13154076	Huỳnh Đức	Bình	DH130T			3,5	5,4	8,9	0012345678910	0123456789
9	13154078	Nguyễn Thái	Bình	DH130T			2,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
10	13154088	Đào Thế	Cường	DH130T			3,5	5,4	8,9	0012345678910	0123456789
11	13154089	Phạm Việt	Cường	DH130T			3	1,8	4,8	0012345678910	0123456789
12	13154090	Vũ Văn	Cường	DH130T			3,5	3,6	7,1	0012345678910	0023456789
13	13154095	Nguyễn Hữu	Đoàn	DH130T			3,5	3,9	7,4	0012345678910	0123456789
14	13154098	Lê Trường	Giang	DH130T			2,5	2,1	4,6	0012345678910	0123456789
15	13154101	Hứa Phú	Hải	DH130T			2,5	3,9	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05248



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật ôtô và xe máy (207711) - 002_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

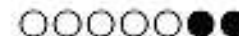
DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154104	Lê Hữu Hải	DH13OT			3	4,2		7,2	001234567890	0123456789
17	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT			3	3		6	001234567890	0123456789
18	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT			2,5	4,8		7,3	001234567890	0123456789
19	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT			2,5	4,2		6,7	001234567890	0123456789
20	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			3,5	4,5		8,0	001234567890	0123456789
21	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			3,5	3,9		7,4	001234567890	0123456789
22	13154135	Nguyễn Tấn Lâm	DH13OT			3,5	5,4		8,9	001234567890	0123456789
23	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT			3,5	3		6,5	001234567890	0123456789
24	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT			3,5	3,6		7,1	001234567890	0123456789
25	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT			2,5	1,2		3,7	001234567890	0123456789
26	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			3	3,9		6,9	001234567890	0123456789
27	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT			3	5,1		8,1	001234567890	0123456789
28	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			3	3		6	001234567890	0123456789
29	13154166	Trần Văn Sáu	DH13OT			3	4,2		7,2	001234567890	0123456789
30	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			3,5	4,2		7,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05248



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Kỹ thuật mô tô và xe máy (207711) - 002_DHI3OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DHI3OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154186	Lữ Minh Tiến	DHI3OT			2,5	1,2		3,7	001234567890	0123456789
32	13154187	Phạm Trung Tín	DHI3OT			2,5	2,4		4,9	001234567890	0123456789
33	13154198	Lê Anh Tuấn	DHI3OT		V	V	V		V	001234567890	0123456789
34	13154205	Nguyễn Văn út	DHI3OT			3	3,3		6,3	001234567890	0123456789
35	13154207	Võ Thanh Văn	DHI3OT			4	5,7		9,7	001234567890	0123456789

Số sinh viên dự thi: 33. Số sinh viên vắng: 02

Ngày 20 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Ngô Thị Hồng Diệp

 Bùi Công Hạnh

 Th.S. Bùi Công Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhập môn CN ôtô & TB xướng (207715) - 001_DH14OT_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi RD304 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154008	Vũ Thanh Duy	DH13OT			1,5	4,8		6,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154023	Nguyễn Thanh Minh	Hoàng	DH13OT		1,5	6,8		8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT			2	6,8		8,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			1	4		5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			1,5	6,8		8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			2	6		8,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			1	6		7,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT			1	6,4		7,4	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154062	Huỳnh Quang Trang	DH13OT			1	5,6		6,6	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT			0,5	5,6		6,1	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT			1,5	2,8		4,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154067	Phạm Trinh Hoàng Văn	DH13OT			1	6,8		7,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154123	Phạm Hùng	DH13OT			1	4		5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT			1	6,4		7,4	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT			1	5,2		6,2	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 05253



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhập môn CN ôtô & TB xương (207715) - 001_DH14OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD304

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

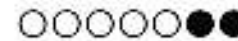
DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT	<i>Thơm</i>		2	6,8		8,8	001234567890	0123456789
17	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT	<i>Trường</i>		1,5	4		5,5	001234567890	0123456789
18	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT	<i>Tường</i>		1,5	5,6		7,1	001234567890	0123456789
19	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT	<i>Bảo</i>		1	0,8		1,8	001234567890	0123456789
20	14154004	Nguyễn Hoài Bảo	DH14OT	<i>Bảo</i>		1	4,8		5,8	001234567890	0123456789
21	14154006	Phạm Văn Bảo	DH14OT	<i>Bảo</i>		2	5,2		7,2	001234567890	0123456789
22	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT	<i>Công</i>		1,5	4		5,5	001234567890	0123456789
23	14154009	Nguyễn Hoài Duy	DH14OT	<i>Duy</i>		1,5	4,8		6,3	001234567890	0123456789
24	14154010	Nguyễn Văn Dân	DH14OT	<i>Dân</i>		1,5	2,0		3,5	001234567890	0123456789
25	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT	<i>Đạt</i>		1	4		5,0	001234567890	0123456789
26	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT	<i>Đạt</i>		1,5	2		3,5	001234567890	0123456789
27	14154013	Trương Nhật Diễm	DH14OT	<i>Diễm</i>		1,5	3,2		4,7	001234567890	0123456789
28	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT	<i>Độ</i>		1	2,8		3,8	001234567890	0123456789
29	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT	<i>Đức</i>		1,5	2,8		4,3	001234567890	0123456789
30	14154016	Trần Thanh Tú Em	DH14OT	<i>Em</i>		1,5	4		5,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05253



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nhập môn CN ôtô & TB xướng (207715) - 001_DH14OT_01 Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi RD304 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
32	14154018	Trần Bá Hiến	DH14OT			2	4A		6A	0012345678910	0123456789
33	14154019	Lê Minh Hiền	DH14OT			0,5	2		2,5	0012345678910	0123456789
34	14154021	Nông Quốc Hoàn	DH14OT			1	0,8		1,8	0012345678910	0123456789
35	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT			1	0,8		1,8	0012345678910	0123456789
36	14154024	Nguyễn Phi Hùng	DH14OT			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
37	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT			1,5	4,4		5,9	0012345678910	0123456789
38	14154027	Cao Hoàng Khanh	DH14OT			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
39	14154028	Đặng Tuấn Kiệt	DH14OT			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789
40	14154029	Võ Anh Kiệt	DH14OT		✓				✓	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 39. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày 22 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Nhập môn CN ôtô & TB xướng (207715) - 002_DH14OT_01**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD204

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

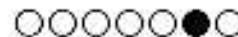
Lớp **DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ôtô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 50%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT			1,5	2,8		4,3	○○○12345678910	○○123456789
2	14154031	Đặng Văn Long	DH14OT			1,5	6		7,5	○○○12345678910	○○123456789
3	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT			1,5	5,6		7,1	○○○12345678910	○○123456789
4	14154034	Đỗ Trọng Lôi	DH14OT						✓	○○○12345678910	○○123456789
5	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			1	3,2		4,2	○○○12345678910	○○123456789
6	14154039	Nguyễn Hoài Nhân	DH14OT			2	4		6,0	○○○12345678910	○○123456789
7	14154044	Điền Quyết	DH14OT			1,5	4		5,5	○○○12345678910	○○123456789
8	14154045	Mai Xuân Sanh	DH14OT			2	6,4		8,4	○○○12345678910	○○123456789
9	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT			1,5	4,8		6,3	○○○12345678910	○○123456789
10	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			1	2,4		3,4	○○○12345678910	○○123456789
11	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			1,5	0,8		2,3	○○○12345678910	○○123456789
12	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			1,5	6,8		8,3	○○○12345678910	○○123456789
13	14154053	Vô Hoàng Thắng	DH14OT			1,5	2,4		3,9	○○○12345678910	○○123456789
14	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			1	3,6		4,6	○○○12345678910	○○123456789
15	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT			✓			✓	○○○12345678910	○○123456789



Mã nhận dạng 05254



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Nhập môn CN ôtô & TB xương (207715) - 002_DH140T_01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi RD204 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH140T (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 2,2%	Đ2 5,2%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154060	Tăng Quốc Tiên	DH140T			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
17	14154061	Trương Ngọc Tín	DH140T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
18	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH140T			1	3,6		4,6	0012345678910	0123456789
19	14154063	Vô Đình Trường	DH140T			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789
20	14154064	Mai Quốc Việt	DH140T			2	6		8,0	0012345678910	0123456789
21	14154067	Đỗ Đức Anh	DH140T	V					V	0012345678910	0123456789
22	14154073	Lê Kim Chiến	DH140T	V					V	0012345678910	0123456789
23	14154076	Nguyễn Quốc Cường	DH140T			1	4,4		5,4	0012345678910	0123456789
24	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH140T			1	5,6		6,6	0012345678910	0123456789
25	14154079	Nguyễn Thị Bích Dân	DH140T			2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
26	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH140T			0	0		0	0012345678910	0123456789
27	14154090	Hồ Thanh Hải	DH140T			0	1,6		1,6	0012345678910	0123456789
28	14154091	Nguyễn Văn Hạnh	DH140T			1	2		3	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

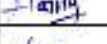
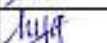
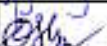
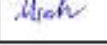
Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhập môn CN ôtô &TB xường (207715) - 003 DH14OT 01 Số Tin Ch 2

Ngày Thi: 20/06/2016 Giờ Thi: 14:45 Phòng Thi: RD202 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

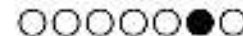
Lớp **DH140T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH140T			1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
2	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH140T			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
3	14154096	Trần Thanh Hoàng	DH140T			1,5	6,4		7,5	0012345678910	0123456789
4	14154097	Hoàng Văn Hòa	DH140T			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
5	14154098	Lê Thái Hòa	DH140T			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
6	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH140T			1,5	3,6		5,1	0012345678910	0123456789
7	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH140T			1,5	3,2		4,7	0012345678910	0123456789
8	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH140T			2	6		8	0012345678910	0123456789
9	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH140T			1,5	5,2		6,7	0012345678910	0123456789
10	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH140T			1	3,6		4,6	0012345678910	0123456789
11	14154107	Quách Nguyễn Thành	DH140T			2	4		6,0	0012345678910	0123456789
12	14154110	Lê Mai Khoa	DH140T			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
13	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH140T			1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
14	14154116	Trịnh Đình Linh	DH140T						✓	0012345678910	0123456789
15	14154119	Nguyễn Văn Minh	DH140T			1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05255



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nhập môn CN ôtô & TB xường (207715) - 003_DH140T_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/06/2016

Giờ Thi: 14:45

Phòng Thi RD202

Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp

DH140T (Công nghệ kỹ thuật ôtô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14154125	Nguyễn Minh Ngọc	DH140T	V					V	0012345678910	0123456789
17	14154126	Phạm ánh Ngọc	DH140T	22		1	4		5,0	0012345678910	0123456789
18	14154127	Nguyễn Văn Nhận	DH140T	14/1		1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
19	14154130	Vương Ninh	DH140T	14/1		1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
20	14154131	Nguyễn Tấn Phát	DH140T	14/1		1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
21	14154133	Trương Thái Phi	DH140T	14/1		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
22	14154137	Đỗ Tiến Quỳnh	DH140T	14/1		1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
23	14154139	Lê Tấn Tài	DH140T	14/1		1,5	4,8		6,3	0012345678910	0123456789
24	14154142	Trương Quang Thanh	DH140T	14/1		1	4,8		5,8	0012345678910	0123456789
25	14154143	Trần Hữu Thành	DH140T	14/1		1,5	4		5,5	0012345678910	0123456789
26	14154146	Nguyễn Trung Thiên	DH140T	14/1		2	4,4		6,4	0012345678910	0123456789
27	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH140T	14/1		2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
28	14154157	Trần Văn Tuấn	DH140T	14/1		1,5	1,6		3,1	0012345678910	0123456789
29	14154160	Vũ Duy Tú	DH140T	14/1		1,5	2,4		3,9	0012345678910	0123456789

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Ôtô và môi trường (207718) - 001_DH13OT_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Đức Cảnh

Lớp

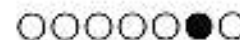
DH100T (Đại học chính quy (Tin chỉ)-Công nghệ KT ô tô-2010)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	10154045	Vũ Công Thuận	DH100T		✓					○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	12154051	Nguyễn Đình Quốc	DH120T	chính		1.1	1.3	1.75	4.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	12154206	Phạm Hùng	DH120T	ph		0.9	1.7	2.75	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13154001	Võ Trường An	DH130T	lc		1.2	2.0	2.50	5.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH130T	anh		1.0	1.6	1.75	4.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13154004	Võ Quốc Bảo	DH130T	Bao		0.8	1.7	3.50	5.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	13154005	Lưu Công Chí	DH130T	Chi		0.8	1.4	1.50	3.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	13154006	Hoàng Minh Chương	DH130T	ch		0.7	1.4	3.50	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13154012	Nguyễn Văn Diên	DH130T	ng		1.1	1.7	2.25	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	13154014	Cao Xuân Giáp	DH130T	g		0.8	1.3	2.75	4.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH130T	mh		1.3	2.3	4.50	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	13154020	Đậu Ngọc Hiếu	DH130T	hu		1.1	2.0	3.50	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	13154021	Trần Đức Hiếu	DH130T	dp		0.6	0.9	4.50	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH130T	kh		1.0	0.4	2.75	4.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH130T	kh		1.0	1.6	1.50	4.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 05256



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Ôtô và môi trường (207718) - 001_DH13OT_01**

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Đức Cảnh

Lớp **DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT			0,6	0,8	2,00	3,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			0,8	0,7	2,75	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT			0,7	1,5	3,75	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			1,1	1,5	3,25	5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT			1,0	1,6	3,00	5,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT			0,5	1,0	2,00	3,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT			0,5	0,7	3,25	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT			1,0	1,9	3,5	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13154056	Võ Hoàn Thiện	DH13OT			0,8	1,1	2,50	4,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT			0,7	0,8	3,25	4,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT			1,1	0,8	2,75	4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			0,6	1,6	3,50	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13154068	Phạm Hiền Vinh	DH13OT			1,3	1,9	4,75	8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			1,0	0,8	3,25	5,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13154070	Nguyễn Vũ Hoàng Vũ	DH13OT		✓					●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05256



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Ô tô và môi trường (207718) - 001_DH13OT_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD202

Giảng viên: Nguyễn Đức Cảnh

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Đ.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT			1,1	1,8	5,25	8,1	0012345678910	0023456789
32	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT			1,0	1,7	1,75	4,4	0012345678910	00123456789
33	13154084	Trần Xuân Châu	DH13OT			0,8	0,6	3,50	4,9	0012345678910	00123456789
34	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT			0,8	0,8	1,50	3,1	0012345678910	00123456789

Số sinh viên dự thi: 32. Số sinh viên vắng: 2.

Ngày 18 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Ô tô và môi trường (207718) - 002_DH13OT_01**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD302

Giảng viên: Nguyễn Đức Cảnh

Lớp **DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 45%	D2 25%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IE
1	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT			1,1	1,0	4,75	6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH13OT			1,1	1,6	3,50	6,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13154098	Lê Trường Giang	DH13OT			1,0	1,1	2,50	4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT			1,2	1,7	1,25	4,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT			1,2	2,0	3,50	6,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT			1,1	1,3	3,50	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			1,1	1,9	4,00	6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13154127	Vũ Quốc Khải	DH13OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			1,1	1,7	3,75	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH13OT			0,8	0,5	3,50	4,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT			1,2	1,9	3,25	6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT			1,2	1,8	3,50	6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH13OT			1,2	2,2	4,25	7,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13154158	Nguyễn Hoài Phương	DH13OT			1,1	1,8	2,25	5,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH13OT			1,1	1,5	2,25	4,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05257



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Ô tô và môi trường (207718) - 002_DH13OT_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi: 23/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi: RD302

Giảng viên: Nguyễn Đức Cảnh

Lớp:

DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D. Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13154174	Trần Duy Thanh	DH13OT			1,1	1,7	3,50	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT			1,2	2,0	4,25	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			0,2	0,8	2,00	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154205	Nguyễn Văn út	DH13OT			1,1	1,8	1,50	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày 18 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Nguyễn Hằng Khoa

Nguyễn Đức Cảnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154001	Võ Trường An	DH13OT						3,5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	13154007	Nguyễn Huỳnh Duy	DH13OT						3,0	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13154008	Võ Thanh Duy	DH13OT						4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13154012	Nguyễn Văn Diễm	DH13OT						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13154019	Lê Thị Minh Hiền	DH13OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13154024	Lại Thị Hương	DH13OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13154029	Huỳnh Vũ Kiệt	DH13OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13154032	Trương Thành Long	DH13OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT						3,5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT						5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	13154060	Nguyễn Lâm Thuận	DH13OT						5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT						3,5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	13154075	Nguyễn Hồng Bảo	DH13OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13154089	Phạm Việt Cường	DH13OT						3,0	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13154101	Hứa Phú Hải	DH13OT						7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
17	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT						6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT						3,5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT						3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154167	Nguyễn Trần Anh Sơn	DH13OT						3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154207	Vô Thanh Vân	DH13OT						9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hệ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Tuấn


Phan Minh Hùng


Nguyễn Văn Tuấn


Nguyễn Trịnh Nguyên


Phan Minh Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT						3,5	○●○12●456789○	○1234●6789
2	13154004	Vô Quốc Bảo	DH13OT						8,0	○●○1234567●9○	●123456789
3	13154014	Cao Xuân Giáp	DH13OT						6,0	○●○12345●789○	●123456789
4	13154021	Trần Đức Hiền	DH13OT						3,5	○●○12●456789○	○1234●6789
5	13154026	Trần Văn Khả	DH13OT						9,0	○●○12345678●○	●123456789
6	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT						7,5	○●○123456●89○	○1234●6789
7	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT						9,0	○●○12345678●○	●123456789
8	13154042	Nguyễn Văn Phi	DH13OT						9,0	○●○12345678●○	●123456789
9	13154052	Lê Trung Tả	DH13OT						8,0	○●○1234567●9○	●123456789
10	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT						6,0	○●○12345●789○	●123456789
11	13154067	Phạm Trịnh Hoàng Văn	DH13OT						5,0	○●○1234●6789○	●123456789
12	13154070	Nguyễn Văn Hoàng Vũ	DH13OT							●○123456789○	○123456789
13	13154076	Huỳnh Đức Bình	DH13OT						7,0	○●○123456●89○	●123456789
14	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT						4,5	○●○123●56789○	○1234●6789
15	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT						8,0	○●○1234567●9○	●123456789
16	13154098	Lê Trương Giang	DH13OT						3,5	○●○12●456789○	○1234●6789
17	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT						7,0	○●○123456●89○	●123456789
18	13154125	Trần Khải Hưng	DH13OT						3,0	○●○12●456789○	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 02

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13154135	Nguyễn Tấn Lâm	DH13OT						7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
20	13154142	Cà Thanh Lộc	DH13OT						5,0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13154166	Trần Văn Sáu	DH13OT						6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13154186	Lê Minh Tiến	DH13OT						3,5	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

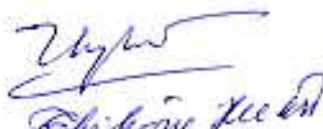
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyên


Phan Minh Tiến


Chi công học bộ


Nguyễn Trịnh Nguyên


Phan Minh Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 04

CBGD: Lê Quang Tri (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154005	Lưu Công Chi	DH130T						5,5	○○○1234●6789○	○1234●6789
2	13154006	Hoàng Minh Chương	DH130T						6,0	○○○12345●789○	●123456789
3	13154018	Hồ Thanh Hết	DH130T						7,0	○○○123456●89○	●123456789
4	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH130T						5,0	○○○1234●6789○	●123456789
5	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH130T						6,0	○○○12345●789○	●123456789
6	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH130T						5,0	○○○1234●6789○	●123456789
7	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH130T						5,0	○○○1234●6789○	●123456789
8	13154051	Ngô Tấn Tài	DH130T						6,0	○○○12345●789○	●123456789
9	13154056	Võ Hoàn Thiện	DH130T						3,5	○○○12●456789○	○1234●6789
10	13154063	Trần Minh Trí	DH130T						5,0	○○○1234●6789○	●123456789
11	13154084	Trần Xuân Châu	DH130T						8,5	○○○1234567●9○	○1234●6789
12	13154090	Vũ Văn Cường	DH130T						7,5	○○○123456●89○	○1234●6789
13	13154095	Nguyễn Hữu Đoàn	DH130T						8,0	○○○1234567●9○	●123456789
14	13154104	Lê Hữu Hải	DH130T						7,0	○○○123456●89○	●123456789
15	13154139	Nguyễn Đức Linh	DH130T						6,0	○○○12345●789○	●123456789
16	13154144	Đoàn Lợi	DH130T						7,0	○○○123456●89○	●123456789
17	13154145	Huỳnh Ngọc Lợi	DH130T						8,0	○○○1234567●9○	●123456789
18	13154149	Võ Tấn Nga	DH130T						8,0	○○○1234567●9○	●123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: Lê Quang Tri (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> %	<u>Đ2</u> %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13154163	Đào Trần Phú Quốc	DH130T						6,0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13154174	Trần Duy Thanh	DH130T						3,5	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	13154185	Đinh Ngọc Thức	DH130T						6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13154188	Nguyễn Duy Trăn	DH130T						6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Cán bộ chấm thi 2

plan Minh Khai

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 06

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154009	Nguyễn Đức Dương	DH13OT						3,5	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	13154017	Nguyễn Văn Hậu	DH13OT						3,5	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	13154023	Nguyễn Thanh Minh Hoàng	DH13OT						3,5	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT						5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT						6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	13154039	Nguyễn Văn Nghĩa	DH13OT						7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT						7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13154046	Vân Vũ Hoàng Phúc	DH13OT						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	13154047	Hà Anh Quân	DH13OT						6,5	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13154088	Đào Thế Cường	DH13OT						4,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13154106	Phan Văn Hậu	DH13OT						3,0	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13154141	Nguyễn Thành Long	DH13OT						8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13154147	Nguyễn Văn Minh	DH13OT						7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13154157	Lê Hồng Phong	DH13OT						6,0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT						7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13154183	Nguyễn Văn Thơm	DH13OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 06

CBGD: Lê Quang Trí (068)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13154187	Phạm Trung Tin	DH130T						6,0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13154201	Trần Anh Tuấn	DH130T						6,5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	13154205	Nguyễn Văn út	DH130T						5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	13154208	Nguyễn Thế Viễn	DH130T						7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Bùi Công Hành


Phan Mạnh Thiên


Bùi Công Hành


Bùi Công Hành


Phan Mạnh Thiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 07

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT						8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12154021	Trần Văn Thăng	DH12OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12154026	Võ Quang Bình	DH12OT						7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12154032	Cao Văn Hoan	DH12OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12154085	Lê Đình Trường	DH12OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12154087	Mã Nhật Huy	DH12OT						3,0	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12154119	Nguyễn Đông Khoa	DH12OT						8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12154123	Võ Thanh Hùng	DH12OT						8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12154124	Trương Thanh Trường	DH12OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12154138	Mai Thành Nhân	DH12OT						5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	12154164	Trần Xuân Quang	DH12OT						6,0	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12154166	Đinh Văn Lợi	DH12OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DH12OT						3,0	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH12OT						5,5	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	12154190	Trần Văn Chính	DH12OT						5,0	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	12154215	Bùi Đức Giang	DH12OT						3,0	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DH12OT						7,0	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 07

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13154041	Phạm Hoàng Nhu	DH13OT						8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	13154050	Ngô Văn Sự	DH13OT						8,0	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13154053	Hà Chí Thanh	DH13OT						3,0	○●①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nặc nhũn của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Văn Giáp


Phạm Minh Thiện


Chi Hong Kha


Nguyễn Trịnh Nguyên


Phạm Minh Thiện

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 08

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12115150	Phạm Công Phú	DH12OT						3,5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	12154008	Nguyễn Chức Quyền	DH12OT						2,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12154013	Lý Kim Xài	DH12OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12154015	Nguyễn Thiên Khôi	DH12OT						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12154034	Trần Tuấn Anh	DH12OT						3,5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	12154039	Trần Tiến Dũng	DH12OT						6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	⑥①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12154052	Nguyễn Quốc Công	DH12OT						9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12154059	Nguyễn Hoàng Duy	DH12OT						2,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12154062	Đỗ Văn Duy	DH12OT						5,0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12154063	Bùi Thành Duy	DH12OT						4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12154065	Đinh Lê Hoàng Tuấn	DH12OT						6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	12154086	Huỳnh Minh Huy	DH12OT						9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12154120	Bùi Ngọc Khoa	DH12OT						7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	12154178	Phan Quốc Thái	DH12OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12154197	Trần Ngọc Toàn	DH12OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH12OT						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	12154204	Vạn Ngọc Tinh	DH12OT						7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	12154232	Nguyễn Việt Lâm	DH12OT						8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập động cơ Ôtô (207723) - 08

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	12154239	Nguyễn Văn Luận	DH12OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	12154240	Nguyễn Thanh Lương	DH12OT						9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	13154020	Dậu Ngọc Hiếu	DH13OT						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

1

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/hộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Trịnh Nguyễn


Phan Minh Hiền


Phan Minh Hiền


Nguyễn Trịnh Nguyễn


Phan Minh Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xi nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiền (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	11154007	Dặng Minh Hoàng	DH11OT						8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	11154053	Huỳnh Thanh Tùng	DH11OT						9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12115150	Phạm Công Phú	DH12OT						8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
4	12154002	Đoàn Mẫn Đạt	DH12OT						8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
5	12154003	Dặng Văn út	DH12OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT						9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12154005	Lê Tấn Hoàn	DH12OT						9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12154008	Nguyễn Chúc Quyền	DH12OT						8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	12154011	Lê Phú Tùng	DH12OT						8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	12154013	Lý Kim Xái	DH12OT						8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
11	12154015	Nguyễn Thiên Khải	DH12OT						8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	12154016	Nguyễn Duy Khánh	DH12OT						8,6	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
13	12154018	Nguyễn Văn Trọng	DH12OT						8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
14	12154020	Huỳnh Thanh Phùng	DH12OT						8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	12154021	Trần Văn Thăng	DH12OT						8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑧⑨
16	12154022	Bùi Ngọc An	DH12OT						8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
17	12154026	Vô Quang Bình	DH12OT						8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
18	12154030	Lê Quốc Bảo	DH12OT						9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	12154032	Cao Văn Hoan	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	12154034	Trần Tuấn Anh	DH12OT						8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
21	12154037	Trần Thiên Ân	DH12OT						8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
22	12154039	Trần Tiến Dũng	DH12OT						8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
23	12154050	Quảng Thiên Chương	DH12OT						8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
24	12154051	Nguyễn Đình Quốc Chính	DH12OT						8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
25	12154052	Nguyễn Quốc Công	DH12OT						9,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	12154055	Lâm Hồng Đạt	DH12OT						8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
27	12154058	Phạm Trọng Đạt	DH12OT						8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
28	12154059	Nguyễn Hoàng Duy	DH12OT						8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
29	12154060	Nguyễn Thái Duy	DH12OT						8,9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
30	12154062	Bồ Văn Duy	DH12OT						8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
31	12154063	Bùi Thành Duy	DH12OT						8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
32	12154065	Đinh Lê Hoàng Tuấn	DH12OT						8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
33	12154066	Trần Công Khang	DH12OT						8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
34	12154067	Nguyễn Minh Dương	DH12OT						8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
35	12154069	Bùi Thành Đảo	DH12OT						8,8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
36	12154070	Vũ Hữu Nghĩa	DH12OT						8,6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
37	12154075	Nguyễn Tấn Đạt	DH120T						8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
38	12154076	Nguyễn Lê Tú Anh	DH120T						9,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
39	12154080	Nguyễn Phương Đông	DH120T						8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
40	12154082	Nguyễn Thanh Hòa	DH120T						8,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
41	12154083	Lê Thanh Tâm	DH120T						8,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
42	12154085	Lê Đình Trường Giang	DH120T						8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
43	12154086	Huỳnh Minh Huy	DH120T						8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
44	12154089	Nguyễn Văn Sang	DH120T						8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
45	12154090	Trần Hữu Phương	DH120T						8,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
46	12154092	Nguyễn Đức Hiền	DH120T						8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
47	12154102	Trần Tuấn Hoàng	DH120T						8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
48	12154104	Đặng Ngọc Hòa	DH120T						8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
49	12154107	Hồ Công Huy	DH120T						8,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
50	12154109	Trần Quốc Sơn	DH120T						8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
51	12154110	Trần Duy Hùng	DH120T						9,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
52	12154112	Nguyễn Công Hậu	DH120T						8,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
53	12154113	Lê Đại Nghĩa	DH120T						8,6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●
54	12154118	Nguyễn Bình Khánh	DH120T						8,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●	○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
55	12154119	Nguyễn Đăng Khoa	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
56	12154120	Bùi Ngọc Khoa	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
57	12154122	Nguyễn Xuân Phong	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
58	12154124	Trương Thanh Trùng	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
59	12154127	Hồ Bảo Anh	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
60	12154128	Đoàn Xuân Lộc	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
61	12154132	Nguyễn Minh Tân	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
62	12154133	Nguyễn Minh Tân	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
63	12154134	Phan Duy Thanh	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
64	12154138	Mai Thành Nhân	DH12OT						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
65	12154142	Nguyễn Doãn Lộc	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
66	12154143	Lưu Tấn Kiệt	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
67	12154144	Trần Xuân Ngọc	DH12OT						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
68	12154147	Phạm Huỳnh Đạt Nhân	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
69	12154152	Nguyễn Tấn Phát	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
70	12154154	Kim Thanh Tuấn	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
71	12154158	Nguyễn Vũ Văn Tuệ	DH12OT						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
72	12154163	Đào Thanh Phước	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xi nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
73	12154164	Trần Xuân Quang	DH120T					8,3		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
74	12154166	Đinh Văn Lợi	DH120T					8,7		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
75	12154167	Nguyễn Văn Quả	DH120T					8,8		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
76	12154171	Trương Minh Sang	DH120T					8,6		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
77	12154172	Trần Văn Sĩ	DH120T					8,8		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
78	12154173	Lê Văn Sơn	DH120T					8,8		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
79	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DH120T					8,7		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
80	12154178	Phan Quốc Thái	DH120T					8,9		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
81	12154179	Trần Trung Thành	DH120T					8,9		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
82	12154180	Nguyễn Văn Thánh	DH120T					8,6		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
83	12154181	Hoàng Lê Anh	DH120T					8,8		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
84	12154182	Phan Duy Thẩm	DH120T					8,7		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
85	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH120T					8,8		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
86	12154186	Lê Quý Thiệu	DH120T					9,0		○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
87	12154187	Nguyễn Quốc Thịnh	DH120T					9,0		○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
88	12154190	Trần Văn Chính	DH120T					8,9		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
89	12154192	Trần Văn Tiên	DH120T					9,0		○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
90	12154193	Võ Mạnh Tinh	DH120T					8,9		○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
91	12154194	Nguyễn Hữu Phúc	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
92	12154197	Trần Ngọc Toàn	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
93	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
94	12154199	Nguyễn Thanh Tông	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
95	12154204	Vạn Ngọc Tinh	DH12OT						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
96	12154205	Ngô Hồ Diệp	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
97	12154206	Phạm Hùng Quyền	DH12OT						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
98	12154215	Bùi Đức Giang	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
99	12154222	Lê Quang Hòa	DH12OT						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
100	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
101	12154225	Lê Minh Cường	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
102	12154226	Kiều Văn Hận	DH12OT						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
103	12154227	Hồ Thanh Hậu	DH12OT						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
104	12154229	Hồ Văn Hiến	DH12OT						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
105	12154231	Thái Xuân Huy	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
106	12154232	Nguyễn Việt Lâm	DH12OT						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
107	12154235	Nguyễn Đình Quý	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
108	12154236	Trịnh Thanh Sơn	DH12OT						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập xí nghiệp (207727) - 01

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
109	12154237	Nguyễn Chánh Lâm	DH120T						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
110	12154240	Nguyễn Thanh Lương	DH120T						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
111	12154241	Nguyễn Đức Tùng	DH120T						8,7	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
112	12154246	Nguyễn Thành Tấn	DH120T						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
113	12154247	Nguyễn Chánh Quang	DH120T						8,9	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
114	12154249	Phan Thành Lâm	DH120T						8,6	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
115	12154259	Trần Kim Lộc	DH120T						8,8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 115

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phan Minh Hiếu


Chi Hong Huân

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207729) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154002	Đoàn Mẫn Đạt	DH12OT						7,7	○○○12345678910	0123456789
2	12154005	Lê Tấn Hoàn	DH12OT						8,3	○○○12345678910	0123456789
3	12154011	Lê Phú Tùng	DH12OT						7,8	○○○12345678910	0123456789
4	12154016	Nguyễn Duy Khánh	DH12OT						8,4	○○○12345678910	0123456789
5	12154018	Nguyễn Văn Trọng	DH12OT						8,3	○○○12345678910	0123456789
6	12154037	Trần Thiên Ân	DH12OT						8,6	○○○12345678910	0123456789
7	12154050	Quảng Thiên Chương	DH12OT						7,9	○○○12345678910	0123456789
8	12154052	Nguyễn Quốc Công	DH12OT						7,7	○○○12345678910	0123456789
9	12154055	Lâm Hồng Đạt	DH12OT						8,2	○○○12345678910	0123456789
10	12154058	Phạm Trọng Đạt	DH12OT						8,5	○○○12345678910	0123456789
11	12154060	Nguyễn Thái Duy	DH12OT						8,1	○○○12345678910	0123456789
12	12154069	Bùi Thành Đảo	DH12OT						8,2	○○○12345678910	0123456789
13	12154070	Vũ Hữu Nghĩa	DH12OT						8,0	○○○12345678910	0123456789
14	12154075	Nguyễn Tấn Đạt	DH12OT						8,2	○○○12345678910	0123456789
15	12154076	Nguyễn Lê Tú Anh	DH12OT						8,5	○○○12345678910	0123456789
16	12154080	Nguyễn Phương Đồng	DH12OT						7,9	○○○12345678910	0123456789
17	12154083	Lê Thanh Tâm	DH12OT						8,5	○○○12345678910	0123456789
18	12154090	Trần Hữu Phương	DH12OT						8,0	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207729) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	12154092	Nguyễn Đức Hiền	DH12OT						8,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
20	12154104	Dặng Ngọc Hòa	DH12OT						7,9	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
21	12154107	Hồ Công Huy	DH12OT						7,6	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
22	12154109	Trần Quốc Sơn	DH12OT						8,0	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
23	12154110	Trần Duy Hùng	DH12OT						8,1	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
24	12154118	Nguyễn Bình Khánh	DH12OT						7,9	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
25	12154122	Nguyễn Xuân Phong	DH12OT						8,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
26	12154127	Hồ Bảo Anh	DH12OT						8,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
27	12154128	Đoàn Xuân Lộc	DH12OT						7,9	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
28	12154134	Phan Duy Thanh	DH12OT						8,4	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
29	12154144	Trần Xuân Ngọc	DH12OT						8,0	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
30	12154152	Nguyễn Tấn Phát	DH12OT						8,5	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
31	12154158	Nguyễn Vũ Văn Tuệ	DH12OT						8,0	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
32	12154163	Đào Thanh Phước	DH12OT						7,7	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
33	12154167	Nguyễn Văn Quà	DH12OT						7,8	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
34	12154171	Trương Minh Sang	DH12OT						8,0	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
35	12154173	Lê Văn Sơn	DH12OT						8,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
36	12154180	Nguyễn Văn Thành	DH12OT						7,9	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207729) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	12154186	Lê Quý Thiệu	DH12OT						8,5	○○○12345678910	0123456789
38	12154190	Trần Văn Chính	DH12OT						7,9	○○○12345678910	0123456789
39	12154192	Trần Văn Tiên	DH12OT						8,5	○○○12345678910	0123456789
40	12154194	Nguyễn Hữu Phúc	DH12OT						7,6	○○○12345678910	0123456789
41	12154204	Vạn Ngọc Tinh	DH12OT						8,5	○○○12345678910	0123456789
42	12154205	Ngô Hồ Diệp	DH12OT						8,3	○○○12345678910	0123456789
43	12154225	Lê Minh Cường	DH12OT						7,6	○○○12345678910	0123456789
44	12154226	Kiều Văn Hận	DH12OT						7,6	○○○12345678910	0123456789
45	12154227	Hồ Thanh Hậu	DH12OT						8,2	○○○12345678910	0123456789
46	12154229	Hồ Văn Hiến	DH12OT						7,9	○○○12345678910	0123456789
47	12154236	Trịnh Thanh Sơn	DH12OT						7,7	○○○12345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

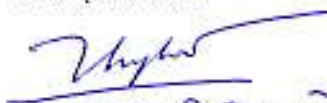
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Đặng Hữu Dũng


TS. Hồng Xuân


TS. Bùi Công Khanh

Bảng Ghi Điểm Thi

Diễn thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm CS thí nghiệm & kiểm định Ô tô (207730) - (001) DH20T 01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi: 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi: RD105 Giảng viên: Bùi Công Hành

Lớp **DH09OT17 (Đại học Chính quy (Tín chỉ)-Công nghệ KT ô tô-2009)** Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	09154019	Nguyễn Trung Hiếu	DH09OT17			8,2	4,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	09154024	Nguyễn Văn Hùng	DH09OT17		2,6		2,4		5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	11154007	Đặng Minh Hoàng	DH11OT			3,2	2,4		5,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	11154053	Huỳnh Thanh Tùng	DH11OT			3,2	3		6,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	11154061	Nguyễn Anh Tuấn	DH11OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12115150	Phạm Công Phú	DH12OT			3,2	3,3		6,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12154003	Đặng Văn út	DH12OT			2	4,5		6,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT			3,2	3,6		6,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12154008	Nguyễn Chức Quyền	DH12OT			3	3,6		6,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12154013	Lý Kim Xái	DH12OT			2,4	3		5,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12154015	Nguyễn Thiên Khải	DH12OT			3	3,3		6,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12154020	Huỳnh Thanh Phùng	DH12OT			3	4,2		7,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12154021	Trần Văn Thắng	DH12OT			2,8	2,4		5,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12154022	Bùi Ngọc An	DH12OT			2,8	3,3		6,1	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12154026	Võ Quang Bình	DH12OT			2,8	4,8		7,6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05258



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm CS thí nghiệm & kiểm định Ôtô (207730) - 001_DH12OT_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD105 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

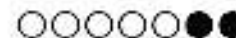
Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154030	Lê Quốc Bảo	DH12OT			2,8	3,6		6,4	0012345678910	0123456789
17	12154032	Cao Văn Hoan	DH12OT			0	0,6		0,6	0012345678910	0123456789
18	12154034	Trần Tuấn Anh	DH12OT			2,6	2,7		5,3	0012345678910	0123456789
19	12154039	Trần Tiến Dũng	DH12OT			2,8	3,6		6,4	0012345678910	0123456789
20	12154043	Dương Nhật Trường	DH12OT			2,2	4,2		6,4	0012345678910	0123456789
21	12154050	Quảng Thiên Chương	DH12OT			2,8	4,5		7,3	0012345678910	0123456789
22	12154051	Nguyễn Đình Quốc Chính	DH12OT			2,6	3		5,6	0012345678910	0123456789
23	12154052	Nguyễn Quốc Công	DH12OT			3,6	4,5		8,1	0012345678910	0123456789
24	12154059	Nguyễn Hoàng Duy	DH12OT			3,2	4,2		7,4	0012345678910	0123456789
25	12154062	Đỗ Văn Duy	DH12OT			2,8	3,6		6,4	0012345678910	0123456789
26	12154063	Bùi Thành Duy	DH12OT			2,4	3,6		6	0012345678910	0123456789
27	12154065	Đinh Lê Hoàng Tuấn	DH12OT			3,2	3,9		7,1	0012345678910	0123456789
28	12154066	Trần Công Khang	DH12OT			3	1,5		4,5	0012345678910	0123456789
29	12154082	Nguyễn Thanh Hòa	DH12OT			3	2,4		5,4	0012345678910	0123456789
30	12154086	Huỳnh Minh Huy	DH12OT			3	3,9		6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05258



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm CS thí nghiệm & kiểm định Ô tô (207730) - 001_DH12OT_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD105 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12154089	Nguyễn Văn Sang	DH12OT			2,4	3,6		6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154102	Trần Tuấn Hoàng	DH12OT			2,8	3,3		6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154109	Trần Quốc Sơn	DH12OT			2,2	3,6		5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154110	Trần Duy Hùng	DH12OT			3	4,2		7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154112	Nguyễn Công Hậu	DH12OT			3	3,6		6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154113	Lê Đại Nghĩa	DH12OT			3	4,8		7,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12154120	Bùi Ngọc Khon	DH12OT			2,6	3,3		5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 36. Số sinh viên vắng: 1...

Ngày 21 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Đức Dũng

Đào Duy Vinh

Chi Hong Luu

Th. S. Bùi Công Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm CS thí nghiệm & kiểm định Ôtô (207730) - 002_DH12OT_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD203 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

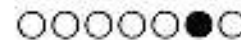
Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12154124	Trương Thanh	Trưởng			3	3		6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12154128	Doãn Xuân	Lộc			3,2	3,3		6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12154132	Nguyễn Minh	Tân			3,2	3,9		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12154133	Nguyễn Minh	Tân			3	3,6		6,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12154138	Mai Thành	Nhân			3,2	3		6,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12154142	Nguyễn Doãn	Lộc			3	3		6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12154143	Lưu Tấn	Kiệt	Kiệt		3	3		6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12154144	Trần Xuân	Ngọc			2	3		5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12154147	Phạm Huỳnh Đạt	Nhân			2,8	2,4		5,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12154154	Kim Thanh	Tuấn			2,8	3		5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12154164	Trần Xuân	Quang			2,8	2,1		4,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12154166	Đinh Văn	Lợi			3,2	3		6,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12154172	Trần Văn	Si			3,2	3,3		6,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12154178	Phan Quốc	Thái	✓	✓				✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12154179	Trần Trung	Thành			3,2	4,5		7,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 05259



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm CS thí nghiệm & kiểm định Ô tô (207730) - 002_DH120T_01 Số Tín Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD203 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH120T (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40%	D2 60%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154180	Nguyễn Văn Thành	DH120T			3	3		6	0012345678910	0123456789
17	12154181	Hoàng Lê Anh	DH120T			3	3		6	0012345678910	0123456789
18	12154182	Phan Duy Thâm	DH120T		✓				✓	0012345678910	0123456789
19	12154185	Nguyễn Văn Thuận	DH120T			3	3,9		6,9	0012345678910	0123456789
20	12154187	Nguyễn Quốc Thịnh	DH120T			3,2	2,4		5,8	0012345678910	0123456789
21	12154193	Võ Mạnh Tính	DH120T			2,8	3,6		6,4	0012345678910	0123456789
22	12154197	Trần Ngọc Toàn	DH120T			2,6	3,3		5,9	0012345678910	0123456789
23	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH120T			2,6	3,6		6,2	0012345678910	0123456789
24	12154199	Nguyễn Thanh Tông	DH120T			2,2	3,6		5,8	0012345678910	0123456789
25	12154206	Phạm Hùng Quyền	DH120T			3	3		6	0012345678910	0123456789
26	12154222	Lê Quang Hòa	DH120T			3,2	4,2		7,4	0012345678910	0123456789
27	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DH120T			3	3		6	0012345678910	0123456789
28	12154231	Thái Xuân Huy	DH120T			3	4,8		7,8	0012345678910	0123456789
29	12154232	Nguyễn Việt Lâm	DH120T			3	3		6	0012345678910	0123456789
30	12154235	Nguyễn Đình Quý	DH120T			3,2	5,1		8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05259



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm CS thí nghiệm & kiểm định Ôtô (207730) - 002_DH12OT_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 22/06/2016 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi RD203 Giảng viên: Bùi Công Hạnh

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 tổng %	D2 tổng %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12154237	Nguyễn Chánh Lâm	DH12OT			3	4,2		7,2	0012345678910	0123456789
32	12154239	Nguyễn Văn Luận	DH12OT			2,6	1,8		4,4	0012345678910	0123456789
33	12154240	Nguyễn Thanh Lương	DH12OT			3,2	4,8		8,0	0012345678910	0123456789
34	12154247	Nguyễn Chánh Quang	DH12OT			2,8	3,6		6,4	0012345678910	0123456789
35	12154249	Phan Thành Lâm	DH12OT			2,8	4,2		7,0	0012345678910	0123456789
36	12154259	Trần Kim Lộc	DH12OT			2,8	3		5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 4. Số sinh viên vắng: 02

Ngày 25 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Phạm Duy Lâm

 Nguyễn Thị Hồng Diệp

 Bùi Công Hạnh

 Th.S. Bùi Công Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 001_DH12OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD201

Giảng viên:Thi Hồng Xuân

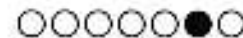
Lớp DH11OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IE
1	11154007	Đặng Minh Hoàng	DH11OT			10	10	42	6,2	○○○12345678910	○○123456789
2	11154053	Huỳnh Thanh Tùng	DH11OT			12	06	39	5,7	○○○12345678910	○○123456789
3	11154061	Nguyễn Anh Tuấn	DH11OT	/		/	/	/	/	○○○12345678910	○○123456789
4	12115150	Phạm Công Phú	DH12OT			08	10	48	6,6	○○○12345678910	○○123456789
5	12154003	Đặng Văn út	DH12OT			14	10	36	6,0	○○○12345678910	○○123456789
6	12154004	Hồ Đức Hạnh	DH12OT			12	10	42	6,4	○○○12345678910	○○123456789
7	12154008	Nguyễn Chírc	DH12OT			8	12	30	5,0	○○○12345678910	○○123456789
8	12154013	Lý Kim Xài	DH12OT			8	10	36	5,4	○○○12345678910	○○123456789
9	12154015	Nguyễn Thiên Khải	DH12OT			12	10	51	7,3	○○○12345678910	○○123456789
10	12154020	Huỳnh Thanh Phùng	DH12OT			8	6	39	5,3	○○○12345678910	○○123456789
11	12154021	Trần Văn Thông	DH12OT			8	10	45	6,3	○○○12345678910	○○123456789
12	12154022	Bùi Ngọc An	DH12OT			8	12	51	7,1	○○○12345678910	○○123456789
13	12154026	Vô Quang Bình	DH12OT			8	10	36	5,4	○○○12345678910	○○123456789
14	12154030	Lê Quốc Bảo	DH12OT			8	12	36	5,6	○○○12345678910	○○123456789
15	12154032	Cao Văn Hoàn	DH12OT			4	10	27	4,1	○○○12345678910	○○123456789



Mã nhận dạng 05260



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 001_DH12OT_01

Số Tín Chi 3

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Thi Hồng Xuân

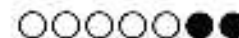
Lớp DH12OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12154034	Trần Tuấn Anh	DH12OT			8	10	45	6,3	001234567890	0123456789
17	12154039	Trần Tiến Dũng	DH12OT			14	16	45	7,5	001234567890	0123456789
18	12154043	Dương Nhật Trường	DH12OT			10	10	18	3,8	001234567890	0123456789
19	12154051	Nguyễn Đình Quốc Chính	DH12OT			8	10	27	4,5	001234567890	0123456789
20	12154059	Nguyễn Hoàng Duy	DH12OT			8	10	36	5,6	001234567890	0123456789
21	12154062	Đỗ Văn Duy	DH12OT			10	12	33	5,5	001234567890	0123456789
22	12154063	Bùi Thành Duy	DH12OT			8	12	45	6,5	001234567890	0123456789
23	12154065	Đinh Lê Hoàng Tuấn	DH12OT			16	10	45	7,1	001234567890	0123456789
24	12154066	Trần Công Khang	DH12OT			16	10	36	6,2	001234567890	0123456789
25	12154082	Nguyễn Thanh Hòa	DH12OT			18	12	45	7,5	001234567890	0123456789
26	12154085	Lê Đình Trường Giang	DH12OT			/	/	/	/	001234567890	0123456789
27	12154086	Huỳnh Minh Huy	DH12OT			10	10	45	6,5	001234567890	0123456789
28	12154089	Nguyễn Văn Sang	DH12OT			14	12	30	5,6	001234567890	0123456789
29	12154102	Trần Tuấn Hoàng	DH12OT			8	10	39	5,7	001234567890	0123456789
30	12154112	Nguyễn Công Hậu	DH12OT			8	10	48	6,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 05260



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 001_DH12OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Thi Hồng Xuân

Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12154113	Lê Đại Nghĩa	DH12OT			6	12	45	6,3	0012345678910	0123456789
32	12154120	Bùi Ngọc Khoa	DH12OT			6	10	51	6,7	0012345678910	0123456789
33	12154124	Trương Thanh Trùng	DH12OT			10	10	45	6,5	0012345678910	0123456789
34	12154132	Nguyễn Minh Tân	DH12OT			12	10	45	6,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 32 Số sinh viên vắng: 02

Ngày 07 Tháng 7 Năm 2016

35. 10154010 Nguyễn Minh Hào DH100T

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 002 DH12OT 01

Sở Tài Chính 3

Ngày Thi 07/06/2016

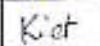
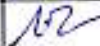
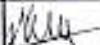
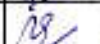
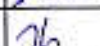
Giờ Thi: 09:30

Phỏng Thi RD401

Giảng viên: Thi Hồng Xuân

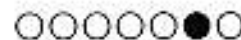
Lớp **DH20T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12154133	Nguyễn Minh Tân	DH12OT			8	10	42	6,0	○012345678910	0123456789
2	12154138	Mai Thành Nhân	DH12OT			12	00	42	5,4	○012345678910	0123456789
3	12154142	Nguyễn Doãn Lộc	DH12OT			12	12	48	7,2	○012345678910	0123456789
4	12154143	Lưu Tấn Kiệt	DH12OT			12	12	48	7,2	○012345678910	0123456789
5	12154147	Phạm Huỳnh Đạt	DH12OT			8	00	48	5,6	○012345678910	0123456789
6	12154154	Kim Thanh Tuấn	DH12OT			10	8	36	5,4	○012345678910	0123456789
7	12154164	Trần Xuân Quang	DH12OT			6	00	24	3,0	○012345678910	0123456789
8	12154166	Đinh Văn Lợi	DH12OT			6	10	12	2,8	○012345678910	0123456789
9	12154172	Trần Văn Sĩ	DH12OT			6	10	24	4,0	○012345678910	0123456789
10	12154178	Phan Quốc Thái	DH12OT		V					●012345678910	0123456789
11	12154179	Trần Trung Thành	DH12OT			8	12	42	6,2	○012345678910	0123456789
12	12154181	Hoàng Lê Anh	DH12OT			10	10	30	5,0	○012345678910	0123456789
13	12154185	Nguyễn Văn Thiện	DH12OT			9	10	39	5,8	○012345678910	0123456789
14	12154187	Nguyễn Quốc Thịnh	DH12OT			6	00	39	4,5	○012345678910	0123456789
15	12154193	Vũ Mạnh Tính	DH12OT			6	00	33	3,9	○012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05261



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 002_DH12OT_01

Số Tín Chi 3

Ngày Thi 07/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD401

Giảng viên:Thi Hồng Xuân

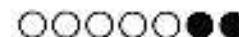
Lớp DH12OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số 60	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12154197	Trần Ngọc Toàn	DH12OT			8	00	30	3,8	0012345678910	0123456789
17	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH12OT			00	8	9	1,7	0012345678910	0123456789
18	12154199	Nguyễn Thanh Tông	DH12OT			8	12	42	6,2	0012345678910	0123456789
19	12154206	Phạm Hùng Quyền	DH12OT			8	12	27	4,7	0012345678910	0123456789
20	12154222	Lê Quang Hòa	DH12OT			8	10	45	6,3	0012345678910	0123456789
21	12154223	Lê Công Tuấn Anh	DH12OT			8	10	33	5,1	0012345678910	0123456789
22	12154231	Thái Xuân Huy	DH12OT			8	6	45	5,9	0012345678910	0123456789
23	12154232	Nguyễn Viết Lâm	DH12OT			16	16	27	5,9	0012345678910	0123456789
24	12154235	Nguyễn Đình Quý	DH12OT			8	18	39	6,5	0012345678910	0123456789
25	12154237	Nguyễn Chánh Lân	DH12OT			10	12	45	6,7	0012345678910	0123456789
26	12154239	Nguyễn Văn Luận	DH12OT			6	10	21	3,7	0012345678910	0123456789
27	12154240	Nguyễn Thanh Lương	DH12OT			8	10	42	6,0	0012345678910	0123456789
28	12154247	Nguyễn Chánh Quang	DH12OT			8	10	36	5,4	0012345678910	0123456789
29	12154249	Phan Thành Lâm	DH12OT			10	12	36	5,8	0012345678910	0123456789
30	12154259	Trần Kim Lộc	DH12OT			00	10	30	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 05236



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm An toàn lao động & MT CN (207701) - 001_DH13NL_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 22/06/2016

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi RD303

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13137120	Trần Văn Sơn	DH13NL		V					0012345678910	0123456789
32	13137131	Lê Hoàng Thăng	DH13NL			0,5		7	7,5	0012345678910	0123456789
33	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL			0		6,5	6,5	0012345678910	0123456789
34	13137155	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13NL			0,5		8	8,5	0012345678910	0123456789
35	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD			0,8		6	6,8	0012345678910	0123456789
36	13153076	Lê Khải Định	DH13CD			0,8		7	7,8	0012345678910	0123456789
37	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD			0,8		7	7,8	0012345678910	0123456789
38	13153129	Nguyễn Đình Đăng Khoa	DH13CD			0,8		8	8,8	0012345678910	0123456789
39	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD			0,5		6,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 34. Số sinh viên vắng: 5.

Ngày 5 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2